QUATEST 3®

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3 – 01728AMT7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

08/05/2017

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **1/ NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN THẠCH BÍCH**

2. Mô tả mẫu / *Description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu nước trong không màu, chứa trong chai nhựa,
11 chai nhựa x 0,5 L
As received, the sample was colorless, clear and contained in plastic bottle, 11 bottles x 0,5 L
Trên chai chứa mẫu có nhãn hiệu "THẠCH BÍCH"
On the container sample had labeled " THACH BICH"

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 25/04/2017

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing time* : 26/04/2017 – 08/05/2017

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **NHÀ MÁY NƯỚC KHOÁNG THẠCH BÍCH – CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**
02 Nguyễn Chí Thanh, Thành Phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results* : Xem trang / *See page 02 and 03/03*

TRƯỞNG PHÒNG TN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Phan Thành Trung

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Lương Thanh Uyên

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-8) 3829 4274 Fax: (84-8) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-61) 383 6212 Fax: (84-61) 383 6298 E-mail: qt-dichvutn@quatest3.com.vn

Tên chỉ tiêu *Specification*		Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Độ pH ở 25 °C *pH value at 25 °C*		TCVN 6492 : 2011	-	7,5
7.2. Mùi ở 20 °C, 60 °C *Odor at 20 °C, 60 °C*		Cảm quan *Sensory test*	-	Không có mùi lạ *Have not unusual odor*
7.3. Độ đục / *Turbidity*	NTU	SMEWW(*) 2012 (2130 B)	2,0	Không phát hiện *Not detected*
7.4. Độ màu / *Color*	Pt. Co	TCVN 6185 : 2008	10	Không phát hiện *Not detected*
7.5. Tổng chất rắn hòa tan (TDS), *Total dissolved solids content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (2540 C)	-	327
7.6. Hàm lượng bicarbonate (HCO_3^-), *Bicarbonate content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (2320 B)	-	75,3
7.7. Hàm lượng iodua (I^-), *Iodide content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (4500 – I^- C)	0,01	Không phát hiện *Not detected*
7.8. Hàm lượng nitrit (NO_2^-), *Nitrite content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (4110 B)	0,02	Không phát hiện *Not detected*
7.9. Hàm lượng nitrat (NO_3^-), *Nitrate content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (4110 B)	0,5	Không phát hiện *Not detected*
7.10. Hàm lượng florua (F^-), *Fluoride content*	mg/L	HACH Method 8029	-	1,0
7.11. Hàm lượng cyanua (CN^-), *Cyanide content*	mg/L	HACH Method 8027	0,05	Không phát hiện *Not detected*
7.12. Hàm lượng borat (BO_3^{3-}) tính theo bo (B), *Borate calculated for boron content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (3120 B)	-	0,11
7.13. Hàm lượng kali (K), *Potassium content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (3120 B)	-	4,15
7.14. Hàm lượng magiê (Mg), *Magnesium content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (3120 B)	0,1	Không phát hiện *Not detected*
7.15. Hàm lượng canxi (Ca), *Calcium content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (3120 B)	-	1,72
7.16. Hàm lượng bari (Ba), *Barium content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (3120 B)	0,05	Không phát hiện *Not detected*
7.17. Hàm lượng cadimi (Cd), *Cadmium content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (3120 B)	0,002	Không phát hiện *Not detected*
7.18. Hàm lượng đồng (Cu), *Copper content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (3120 B)	0,05	Không phát hiện *Not detected*
7.19. Hàm lượng crôm (Cr), *Chromium content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (3120 B)	0,01	Không phát hiện *Not detected*
7.20. Hàm lượng mangan (Mn), *Manganese content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (3120 B)	0,02	Không phát hiện *Not detected*
7.21. Hàm lượng niken (Ni), *Nikel content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (3120 B)	0,02	Không phát hiện *Not detected*

Tên chỉ tiêu *Specification*		Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.22. Hàm lượng thủy ngân (Hg), *Mercury content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (3112 B)	0,001	Không phát hiện *Not detected*
7.23. Hàm lượng chì (Pb) *Lead content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (3120 B)	0,01	Không phát hiện *Not detected*
7.24. Hàm lượng selene (Se), *Selenium content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (3114 C)	0,003	Không phát hiện *Not detected*
7.25. Hàm lượng asen (As), *Arsenic content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (3114 C)	0,001	Không phát hiện *Not detected*
7.26. Hàm lượng stibi (Sb), *Antimony content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (3114 C)	0,003	Không phát hiện *Not detected*
7.27. Hàm lượng natri (Na), *Sodium content*	mg/L	SMEWW(*) 2012 (3120 B)/(3111 B)	-	104

Ghi chú/ *Notice:* TCVN : Tiêu Chuẩn Việt Nam/ *Vietnam National standard*
SMEWW(*): Standard Methods for the Examination of Water and Waste water.

QUATEST 3®

KT3 – 01651AVS7	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	03/05/2017 Trang 01/01

1. Tên mẫu : **NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN THẠCH BÍCH**

2. Mô tả mẫu : Mẫu còn nguyên bao bì nhãn hiệu
Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.

3. Số lượng mẫu : 01 (500 mL x 05 chai)

4. Ngày nhận mẫu : 25/04/2017

5. Thời gian thử nghiệm : 26/04/2017 – 28/04/2017

6. Nơi gửi mẫu : **NHÀ MÁY NƯỚC KHOÁNG THẠCH BÍCH – CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**
02 Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
7.1. Coliforms,	CFU/250 mL	TCVN 6187 - 1: 2009	< 1 (*)
7.2. *Escherichia coli*,	CFU/250 mL	TCVN 6187 - 1: 2009	< 1 (*)
7.3. Enterococci *Streptococci faecal*	CFU/250 mL	TCVN 6189 – 2 : 2009 QCVN 6 - 1: 2010/BYT	< 1 (*)
7.4. *Pseudomonas aeruginosa*,	CFU/250 mL	ISO 16266 : 2006	< 1 (*)
7.5. Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfite,	CFU/50 mL	TCVN 6191 - 2 : 1996	< 1 (*)

Ghi chú: (*) Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra.

TL. PHỤ TRÁCH PTN VI SINH - GMO

Vũ Diệu Thu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Lương Thanh Uyên

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.
5. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) - Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 (VILAS 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2005 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (VILAS 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

N/A: không áp dụng.
Not applicable